TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22/01/2018
"V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Nguyễn Quang Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hường – Thư ký TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:

Ông Tống Mạnh Cường – c/v: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 83/2017/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện G, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Anh Tạ Thế B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 27/10/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H chung sống với anh Tạ Thế B từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau, chị H và anh B hạnh phúc được khoảng một năm thì xảy ra mâu thuẫn, do anh B hay chơi bời, không lo làm ăn nên vợ chồng hay cãi vã nhau. Hiện nay chị H, anh B không còn sống chung đã ly thân từ tháng 8/2017. Xét mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Chị H và anh B có 01 con chung là cháu Tạ Gia B, sinh ngày 25/01/2003. Chị H có nguyện vọng để anh B nuôi cháu B, chị H sẽ cấp dưỡng, mức cấp dưỡng chị H, anh B tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Tạ Thế B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Thế B thừa nhận chung sống với chị H từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Anh B và chị H sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, do không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau không tôn trọng nhau, anh B và chị H đã ly thân hai tháng nay. Xét tình cảm không còn nên anh B đồng ý yêu cầu không công nhận là vợ chồng của chị H.

Về con chung: anh Tạ Thế B và chị Nguyễn Thị H có 01 con chung là cháu Tạ Gia B, sinh ngày 25/01/2003. Cháu B có nguyện vọng ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, anh B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Krông Nô phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

+ Về trình tự tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

+ Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội quy định về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 điều 11, điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Thế B. Về con chung: Giao con Tạ Gia B, sinh ngày 25/01/2003, cho anh Tạ Thế B trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh B không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1] ***Về thẩm quyền giải quyết:*** Bị đơn anh Tạ Thế B có nơi cư trú tại thôn P, xã Q, huyện K. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyên K theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Tạ Thế B. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* **Về nội dung vụ án:**

[3] ***Về quan hệ hôn nhân:***

Chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Thế B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, việc sống chung của anh chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình:*" 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"* .Theo điểm c khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội quy định về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 *thì " Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…".* Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị H và quan điểm của đại diện VKSND huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và những căn cứ trên để chấp nhận không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Thế B mới bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

[4] ***Về con chung:*** Chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Thế B thừa nhận có 01 con chung là Tạ Gia B, sinh ngày 25/01/2003, hiện nay cháu B đang sinh sống cùng anh B và cháu B có nguyện vọng được ở với anh B. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao cháu B cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết. Anh B không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] ***Về tài sản chung, nợ chung:*** Chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Thế B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] ***Về án phí :*** Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 11, điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội quy định về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Thế B.

*** Về con chung:** Giao con Tạ Gia B, sinh ngày 25/01/2003, cho anh Tạ Thế B trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh B không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn chị H, anh B có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

*** Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Nguyễn Thị H và anh Tạ Thế B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*** Về án phí:** Buộc chị Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000077, ngày 10 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

*** Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Tâm